TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-ST
Ngày 04-5-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Đoàn Thị Sim.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Văn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn N, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 24/11/2019 ông Phan Văn N có mua điện thoại tại cửa hàng của ông còn nợ số tiền 11.200.000 đồng, khi đó ông Phan Văn T có ký tên bảo lãnh đồng ý trả nợ cho ông N. Đồng thời vào ngày 26/4/2021 thì ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị V và bà Trần Thị Đ có ký cam kết đồng ý đến ngày 26/5/2021 sẽ trả tiền cho ông, bà V và bà Đ đồng ý sẽ trả thay số tiền ông N và ông T còn nợ ông nếu ông T và ông N không trả cho ông. Tuy nhiên, cho đến nay ông N, ông T, bà Đ và bà V không trả cho ông số tiền còn nợ.

Cùng ngày 26/4/2021, ông có cho ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V vay số tiền 22.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1,66%/01 tháng, thỏa thuận đến ngày 26/5/2021 thì ông T, bà Đ và bà V sẽ trả đủ tiền cho ông, có làm biên nhận nợ do ông T, bà Đ và bà V trực tiếp ký tên và điểm chỉ. Sau đó, đến ngày 26/5/2021 thì bà V có trả cho ông được số tiền vốn vay là 15.650.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 6.350.000 đồng đến nay không trả.

Nay ông yêu cầu giải quyết buộc ông Phan Văn N, ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông số tiền mua bán còn nợ 11.200.000 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả với số tiền 2.164.000 đồng, tổng số tiền là 13.364.000 đồng. Yêu cầu buộc ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 8.793.000 đồng, trong đó tiền vốn là 6.350.000 đồng và tiền lãi là 2.443.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Văn T và bà Trần Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội Đ xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Việt S, buộc ông N, ông T, bà Đ và bà V liên đới trả cho ông S tổng số tiền mua bán còn nợ 13.364.000 đồng, buộc ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 8.793.000 đồng. Đồng thời, buộc ông T, bà Đ, ông N và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Phan Văn N, ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả số tiền vay và tiền mua bán còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phan Văn T và bà Trần Thị Đ cùng cư trú tại ấp X, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phan Văn T và bà Trần Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nói trên là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

Đối với hợp đồng mua bán tài sản, ông Nguyễn Việt S yêu cầu giải quyết buộc ông Phan Văn N, ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông số tiền mua bán còn nợ 11.200.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền với số tiền 2.164.000 đồng, tổng số tiền là 13.364.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông S có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ được lập vào ngày 24/11/2019 do ông Phan Văn N và ông Phan Văn T ký xác lập, nội dung thể hiện ông N còn nợ của ông S số tiền 11.200.000 đồng và ông T có ký tên bảo lãnh số tiền ông N còn nợ ông S đúng như ông S đã khai. Và 01 giấy cam kết vào ngày 26/4/2021 do ông T, bà Đ, bà V ký xác lập Đ ý trả số nợ 11.200.000 đồng do ông T và ông N còn nợ ông S, hẹn thời gian trả nợ vào ngày 26/5/2021. Do ông N, ông T, bà Đ và bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông S khởi kiện buộc ông N, ông T, bà Đ và bà V liên đới trả cho ông số tiền mua bán còn nợ 11.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Về tiền lãi chậm trả tiền ông S yêu cầu với số tiền 2.164.000 đồng, do ông N, ông T, bà Đ và bà V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông S theo thỏa thuận nên việc ông S yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp, thời gian chậm trả từ ngày 26/5/2021 đến ngày 04/5/2023 là 01 năm 11 tháng 08 ngày, mức lãi suất được tính là 10%/01 năm tương ứng với số tiền lãi là 2.164.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông S yêu cầu ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 8.793.000 đồng, trong đó tiền vốn là 6.350.000 đồng và tiền lãi là 2.443.000 đồng. Thì tại biên nhận nợ vào ngày 26/4/2021 do bà ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V ký xác lập thể hiện ông T, bà Đ và bà V có vay của ông S số tiền 22.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 26/5/2021. Ông S xác định sau khi vay thì đến ngày 26/5/2021 bà V có trả cho ông được số tiền 15.650.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 6.350.000 đồng đến nay không trả. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu ông T, bà Đ và bà V liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 6.350.000 đồng là có căn cứ. Về tiền lãi ông S yêu cầu với số

tiền 2.443.000 đồng, lãi suất được tính đó là thời gian từ ngày 26/5/2021 đến ngày 04/5/2023 là 01 năm 11 tháng 08 ngày, mức lãi suất được tính là 20%/01 năm tương ứng với số tiền lãi là 2.443.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông N, ông T, bà Đ và bà V đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S, buộc ông N, ông T, bà Đ và bà V liên đới trả cho ông S tổng số tiền mua bán còn nợ là 13.364.000 đồng, buộc ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 8.793.000 đồng là có căn cứ.

[3] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S được Tòa án chấp nhận nên ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ, ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

- Buộc ông Phan Văn N, ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông Nguyễn S tổng số tiền mua bán còn nợ 13.364.000 (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

- Buộc ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 8.793.000 (Tám triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Phan Văn N, ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền 668.000 đồng. Ông Phan Văn T, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền 439.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 439.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018262 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay hoàn trả lại toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ